

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước có xu thế xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-45cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước có xu thế xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-25cm và phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều tại trạm Xẻo Rô dưới BĐI 09cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 28/04. Đỉnh triều ở mức thấp.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 23/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	21/04		20/04						22/04	23/04	24/04	25/04	26/04
					Hmax	Hmin											
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	126	-3	▼	19	▲	32	▲	122	118	114	110	106
					Hmin	-40	-4	▼	-4	▼	-28	▼	-43	-45	-47	-42	-37
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	136	-3	▼	25	▲	42	▲	132	128	124	120	116
					Hmin	-54	-4	▼	0	◀▶	-15	▼	-57	-59	-61	-56	-51
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	107	0	◀▶	13	▲	15	▲	103	99	95	91	87
					Hmin	23	-1	▼	25	▲	5	▲	20	18	16	21	26
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	143	-2	▼	23	▲	43	▲	139	135	131	127	123
					Hmin	-44	-2	▼	-4	▼	-25	▼	-47	-49	-51	-46	-41
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	157	-1	▼	33	▲	58	▲	153	149	145	141	137
					Hmin	-53	-3	▼	-6	▼	-3	▼	-56	-58	-60	-55	-50
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	138	-3	▼	26	▲	40	▲	134	130	126	122	118
					Hmin	-52	-3	▼	0	◀▶	-22	▼	-55	-57	-59	-54	-49
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	19	3	▲	-22	▼	-5	▼	21	23	24	25	26
					Hmin	-10	4	▲	-20	▼	-8	▼	-8	-6	-4	-2	0
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	8	4	▲	-25	▼	-13	▼	10	12	14	16	18
					Hmin	0	3	▲	-21	▼	-16	▼	2	4	6	8	10
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	16	2	▲	-25	▼	-22	▼	18	20	22	24	26
					Hmin	9	2	▲	-18	▼	-21	▼	11	13	15	17	19
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	15	1	▲	-28	▼	-19	▼	17	19	21	23	25
					Hmin	11	2	▲	-18	▼	-15	▼	13	15	17	19	21
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	22	1	▲	-29	▼	-17	▼	24	26	28	30	32
					Hmin	17	1	▲	-20	▼	-15	▼	19	21	23	25	27
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	26	6	▲	-21	▼	0	◀▶	29	31	32	33	34
					Hmin	-4	3	▲	-15	▼	-6	▼	-2	0	2	4	6
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	37	4	▲	-25	▼	10	▲	40	42	43	44	45
					Hmin	24	5	▲	-12	▼	8	▲	26	28	30	32	34
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	28	3	▲	-28	▼	-10	▼	30	32	33	34	35
					Hmin	19	2	▲	-18	▼	-8	▼	21	23	24	25	26
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	25	3	▲	-8	▼	10	▲	27	29	30	31	32
					Hmin	14	4	▲	-1	▼	6	▲	16	18	19	20	21
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	56	4	▲	-23	▼	14	▲	58	60	61	62	63
					Hmin	39	3	▲	-11	▼	14	▲	41	43	44	45	46
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	92	2	▲	-7	▼	33	▲	94	96	97	98	99
					Hmin	35	0	◀▶	-6	▼	9	▲	35	35	36	38	40
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	55	1	▲	-19	▼	5	▲	57	59	60	61	62
					Hmin	27	1	▲	-12	▼	-2	▼	29	31	32	33	34

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	39	2	▲	-23	▼	-7	▼	41	43	44	45	46
					Hmin	23	2	▲	-15	▼	-6	▼	25	27	28	29	30
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	21	3	▲	-26	▼	-6	▼	23	25	26	27	28
					Hmin	11	2	▲	-14	▼	4	▲	13	15	16	17	18
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	5	1	▲	-24	▼	-22	▼	8	7	6	5	4
					Hmin	-4	2	▲	-3	▼	20	▲	-11	-10	-9	-8	-7
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	71	4	▲	32	▲	35	▲	68	64	60	55	50
					Hmin	-47	-6	▼	-14	▼	-12	▼	-44	-41	-38	-34	-30

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





